

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 22-23

Môn học
CBGD

Cầu lông 1
Lương Anh Kiệt

Nhóm: 08

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234008	1	2122120382	Trần Như Ngọc	Anh	09/02/2003	CCQ2212L	8.0	10	9.2	
234008	2	2122120316	Nguyễn Gia	Bảo	04/08/2004	CCQ2212J	5.3	6	5.7	
234008	3	2122030183	Nguyễn Công	Chương	05/12/2004	CCQ2203F	7.3	7	7.1	
234008	4	2122030083	Mai Hùng	Cường	22/01/2004	CCQ2203C	8.3	7	7.5	
234008	5	2122120211	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	26/06/2004	CCQ2212G	6.3	5	5.5	
234008	6	2122120204	Hồ Văn	Dũng	17/10/2004	CCQ2212G	8.0	9	8.6	
234008	7	2122030141	Hồ Thành	Đô	15/09/2004	CCQ2203E	7.3	6	6.5	
234008	8	2122200145	Nguyễn Thúy	Hằng	14/08/2004	CCQ2220E	8.3	8	8.1	
234008	9	2122120228	Phan Thanh	Hậu	12/11/2004	CCQ2212G	7.3	6	6.5	
234008	10	2121210059	Võ Công	Hậu	17/12/2002	CCQ2121B	5.7	5	5.3	
234008	11	2122030217	Nguyễn Văn	Hưng	25/03/2004	CCQ2203F	9.0	10	9.6	
234008	12	2122120370	Trịnh Thị	Hường	21/01/2004	CCQ2212K	5.7	7	6.5	
234008	13	2122180012	Phạm Minh	Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A	8.3	10	9.3	
234008	14	2122120227	Nguyễn Thị Thái	Kiều	07/06/2003	CCQ2212G	7.7	6	6.7	
234008	15	2122120248	Trần Thị	Lài	16/03/2004	CCQ2212H	6.7	4	5.1	
234008	16	2122120215	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	21/08/2004	CCQ2212G	6.7	4	5.1	
234008	17	2122120205	Huỳnh Mỹ	Liên	16/05/2004	CCQ2212G	8.7	7	7.7	
234008	18	2122120342	Lê Thị Hương	Loan	27/08/2004	CCQ2212K	5.0	8	6.8	
234008	19	2122260127	Hồ Văn	Lượng	24/01/2004	CCQ2226C	8.3	8	8.1	
234008	20	2122030142	Lê Công	Lý	16/07/2004	CCQ2203E	6.3	10	8.5	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234008	21	2122120251	Lương Thảo	Mi	02/04/2002	CCQ2212H	7.3	4	5.3	
234008	22	2122030190	Phan Văn	Minh	28/02/2004	CCQ2203F	9.0	9	9.0	
234008	23	2122120271	Đàng Thị My	Na	03/08/2003	CCQ2212H	8.0	4	5.6	
234008	24	2122210136	Trần Thúy	Nga	03/02/2004	CCQ2221D	5.0	5	5.0	
234008	25	2122120287	Bùi Thanh	Ngân	19/01/2004	CCQ2212I	7.7	7	7.3	
234008	26	2122120564	Nguyễn Thanh	Ngân	12/07/2004	CCQ2212P	6.3	6	6.1	
234008	27	2122120521	Đặng Ngọc Bảo	Nghi	03/12/2002	CCQ2212O	5.7	7	6.5	
234008	28	2122120070	Trần Nguyễn Bảo	Nghi	13/09/2004	CCQ2212B	8.3	7	7.5	
234008	29	2122120353	Đoàn Thị Hàn	Ni	19/01/2004	CCQ2212K	6.3	5	5.5	
234008	30	2122260083	Võ Yến	Ny	10/10/2004	CCQ2226C	7.0	4	5.2	
234008	31	2122120232	Hồ Thanh	Phúc	01/09/2003	CCQ2212G	7.7	7	7.3	
234008	32	2122030101	Lê Hoàng	Phúc	01/01/2004	CCQ2203C	8.3	7	7.5	
234008	33	2122120380	Nguyễn Thị Thu	Phương	21/09/2003	CCQ2212L	5.3	9	7.5	
234008	34	2122120241	Đỗ Thị	Quyên	28/01/2004	CCQ2212H	9.3	6	7.3	
234008	35	2122120537	Nguyễn Hoàng Phương	Quyên	20/10/2004	CCQ2212O	8.3	7	7.5	
234008	36	2120100092	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	19/10/2002	CCQ2012Q	6.3	6	6.1	
234008	37	2122120396	Trương Văn	Sum	17/12/2004	CCQ2212L	7.0	10	8.8	
234008	38	2122030105	Lưu Văn	Tài	14/07/2004	CCQ2203D	7.3	6	6.5	
234008	39	2122120207	Trần Nguyễn Ngọc	Tâm	01/11/2004	CCQ2212G	8.0	6	6.8	
234008	40	2122180001	Phạm Huỳnh Nhật	Tân	15/10/2000	CCQ2218A	8.0	7	7.4	
234008	41	2122120317	Nguyễn Thị Phương	Thanh	03/09/2004	CCQ2212J	7.7	4	5.5	
234008	42	2122120522	Trần Phúc	Thảo	14/07/2004	CCQ2212O	8.0	7	7.4	
234008	43	2122120364	Hồ Ngọc	Thắng	23/07/2004	CCQ2212K	8.3	9	8.7	
234008	44	2122180019	Võ Quang	Thắng	10/04/2004	CCQ2218A	8.0	7	7.4	
234008	45	2122120218	Nguyễn Phương	Thùy	05/04/2004	CCQ2212G	5.7	7	6.5	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234008	46	2122120491	Đặng Thị Bích	Thuỷ	03/10/2004	CCQ2212E				
234008	47	2122120539	Nguyễn Thị Bích	Thuyền	04/04/2004	CCQ2212O	8.3	7	7.5	
234008	48	2122120355	Đào Thị Linh	Thư	12/12/2004	CCQ2212K	6.0	5	5.4	
234008	49	2122120376	Lê Nguyễn Anh	Thư	24/03/2004	CCQ2212K	6.7	6	6.3	
234008	50	2122120408	Phạm Minh	Thư	12/05/2004	CCQ2212L	5.7	9	7.7	
234008	51	2122120523	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	26/03/2004	CCQ2212O	8.3	3	5.1	
234008	52	2122120499	Nguyễn Thị Thuỷ	Trang	03/10/2004	CCQ2212H	7.3	7	7.1	
234008	53	2122210077	Nguyễn Thùy	Trang	19/12/2004	CCQ2221E	7.3	4	5.3	
234008	54	2122120059	Đặng Thị Ngọc	Trâm	13/10/2003	CCQ2212B	5.3	4	4.5	
234008	55	2122120239	Phan Thị Diễm	Trân	07/04/2004	CCQ2212H	7.7	6	6.7	
234008	56	2122180015	Châu Minh	Trí	25/08/2004	CCQ2218A	8.0	6	6.8	
234008	57	2122210069	Nguyễn Thị	Triều	29/09/2004	CCQ2221E	8.0	7	7.4	
234008	58	2122210068	Lê Thị Tuyết	Trinh	07/02/2004	CCQ2221E	7.3	6	6.5	
234008	59	2122120231	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16/05/2004	CCQ2212G	8.3	3	5.1	
234008	60	2122120322	Nguyễn Xuân	Trường	18/06/2002	CCQ2212J				
234008	61	2122180022	Nguyễn Hoàng	Tú	26/02/2004	CCQ2218A	7.3	9	8.3	
234008	62	2121060024	Nguyễn Việt	Tuấn	12/10/2003	CCQ2106A	7.7	9	8.5	
234008	63	2122210014	Đặng Thị	Tuyết	26/07/2004	CCQ2221E	7.3	5	5.9	
234008	64	2122120351	Nguyễn Nữ Thu	Uyên	24/02/2004	CCQ2212K				
234008	65	2122180018	Nguyễn Nghi	Văn	06/04/2004	CCQ2218A	8.0	5	6.2	
234008	66	2122120542	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	08/03/2004	CCQ2212O	7.0	4	5.2	
234008	67	2122130075	Trương Thị	Vy	03/04/2004	CCQ2212M				
234008	68	2122120393	Nguyễn Kim	Yên	17/02/2004	CCQ2212L	5.0	7	6.2	
234008	69	2122210086	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	18/05/2004	CCQ2221F				

